TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 20/8/2018
V/v: Không CNQHVC

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU – TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**;

2. Ông **Dương Minh Dũng**

- Thư ký phiên toà: Ông **Phan Văn Dũng Em** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số số: 453/2018/TLST–HNST ngày 30/7/2018 về việc "***Không công nhận quan hệ vợ chồng"***, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

* Bị đơn: Bà **Trần Thị Tuyết L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 54/2A H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông và bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1988, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và do không tìm được tiếng nói chung nên ông bà đã ly thân từ năm 2001 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà L.

Phía bị đơn – bà L trình bày tại bản tự khai: Bà thống nhất với ông T về thời gian tiến tới chung sống và quá trình hôn nhân. Bà cũng xác định bà và ông T hiện không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên cũng đồng ý với yêu cầu của ông T.

Về con chung: Ông T và bà L đều khai thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Duy Khang (nam), sinh năm 1990 và Nguyễn Ngọc Tuyền (nữ), sinh năm 1995. Các con hiện đã trưởng thành nên không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Thống nhất xác định không có.

Do bận công việc nên bà L có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T và bà L tự nguyện tiến tới chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy, đây là trường hợp không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay ông T có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà L là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Duy Khang (nam), sinh năm 1990 và Nguyễn Ngọc Tuyền (nữ), sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – không công nhận ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Tuyết L là vợ chồng.

2/ *Về con chung*: Không đặt ra xem xét.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông T phải chịu 300.000đồng chuyển tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 001553 ngày 18/7/2018 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TP – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Luyến **Dương Minh Dũng** **Đặng Thị Huệ**